

Số: 549 /BC- ĐHTCQTKD

Hưng Yên, ngày 28 tháng 9 năm 2020

BÁO CÁO

Về kết quả khảo sát Cán bộ Giảng viên Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh trên phần mềm, năm học 2019 - 2020

Thực hiện kế hoạch số 240 ngày 29/5/2020 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh về việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, chế độ chính sách, chiến lược phát triển nhà trường và nghiên cứu khoa học năm học 2019 – 2020. Kết quả khảo sát đối với Cán bộ Giảng viên của Nhà trường như sau (có phụ lục kèm theo):

1. Kết quả đạt được

- **Về chiến lược của Nhà trường:** Các câu hỏi trong nội dung này đều đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, trung bình, hài lòng và rất hài lòng. Với 16 câu hỏi, kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt hơn 70%.

- **Về chế độ chính sách:** Các câu hỏi trong nội dung này đều đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, trung bình, hài lòng và rất hài lòng. Với 7 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt hơn 75%, tuy nhiên tiêu chí “phúc lợi” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 58,13%.

- **Về hoạt động phục vụ/hỗ trợ:** Các câu hỏi trong nội dung này đều đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, trung bình, hài lòng và rất hài lòng. Với 12 câu hỏi, về cơ bản kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt hơn 70%, tuy nhiên tiêu chí “cơ sở vật chất hỗ trợ giảng dạy” và “các công cụ phục vụ giảng dạy” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên chỉ đạt 59%.

- **Về hoạt động nghiên cứu khoa học:** Với 28 câu hỏi trong nội dung này đều đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, trung bình, hài lòng và rất hài lòng, kết quả cụ thể như sau:

+ Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 80%.

+ Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt khoảng 70%.

+ Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 75%, tuy nhiên tiêu chí

“Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu” được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt khoảng 65%.

+ Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu: kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 63%.

- **Về tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng:** Với 5 câu hỏi trong nội dung này đều đánh giá theo 5 mức độ từ thấp đến cao, gồm: Rất không hài lòng, không hài lòng, trung bình, hài lòng và rất hài lòng. kết quả khảo sát đều được Cán bộ Giảng viên đánh giá từ mức độ hài lòng trở lên đạt trên 85%.

2. Phương hướng khắc phục trong năm học tới

- Tăng thu, tiết kiệm chi để có thể cải thiện phúc lợi cho Cán bộ Giảng viên trong Nhà trường.

- Trang bị cơ sở vật chất, thiết bị giảng dạy, nghiên cứu khoa học hiện đại hơn.

- Tăng cường, đa dạng hóa các hình thức kết nối phục vụ cộng đồng hơn nữa.

Trên đây là toàn bộ báo cáo về việc khảo sát, lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động đào tạo, hỗ trợ, phục vụ cộng đồng, chế độ chính sách, chiến lược phát triển nhà trường và nghiên cứu khoa học năm học 2019 – 2020, cũng như phương hướng hành động trong năm học tới./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị;
- Website;
- Lưu: VT; KT&QLCL.

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG PHÒNG KT&QLCL
TRƯỜNG
ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH QUẢN TRỊ
KINH DOANH
TS. Đỗ Thị Minh Nhâm

Phụ lục
KẾT QUẢ KHẢO SÁT CÁN BỘ GIÁNG VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – QUẢN TRỊ KINH DOANH
TRÊN PHẦN MỀM NĂM HỌC 2019 -2020

(Kèm theo Báo cáo số 54.9/BC-DHTCQTKD ngày 28...tháng 9 năm 2020 của Trường Đại học Tài chính – Quản trị kinh doanh)

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
A.	CHIẾN LƯỢC CỦA NHÀ TRƯỞNG											
1	Chiến lược về xây dựng đội ngũ cán bộ, lãnh đạo nhà trường	246	1	0.41%	3	1.22%	39	15.85%	146	59.35%	57	23.17%
2	Chiến lược về xây dựng đội ngũ giảng viên	246	0	0.00%	0	0.00%	39	15.85%	153	62.20%	54	21.95%
3.	Chiến lược về phát triển khoa học và hợp tác quốc tế	246	0	0.00%	6	2.44%	58	23.58%	136	55.28%	46	18.70%
4	Chiến lược về xây dựng cơ sở vật chất	246	0	0.00%	5	2.03%	66	26.83%	124	50.41%	51	20.73%
5	Chiến lược về nâng cao chất lượng đào tạo	246	0	0.00%	2	0.81%	49	19.92%	141	57.32%	54	21.95%
6	Chiến lược về phát triển phục vụ cộng đồng	246	0	0.00%	1	0.41%	67	27.24%	133	54.07%	45	18.29%
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	246	0	0.00%	2	0.81%	47	19.11%	147	59.76%	50	20.33%
8	Kế hoạch chiến lược của Nhà trường đã thể hiện sự quan tâm, gắn kết với các bên liên quan	246	0	0.00%	3	1.22%	55	22.36%	139	56.50%	49	19.92%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
9	Nhà trường đã ban hành chính sách đảm bảo cập nhật kịp thời, đúng quy định của Nhà nước về giáo dục - đào tạo	246	0	0.00%	2	0.81%	18	7.32%	154	62.60%	72	29.27%
10	Nội dung chính sách của Nhà trường đảm bảo mang tính khả thi, hiệu quả.	246	0	0.00%	3	1.22%	47	19.11%	149	60.57%	47	19.11%
11	Việc thực thi chính sách của Nhà trường đảm bảo tính khách quan, chính xác, công bằng.	246	1	0.41%	2	0.81%	38	15.45%	154	62.60%	51	20.73%
12	Nhà trường quy hoạch nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	246	0	0.00%	2	0.81%	49	19.92%	143	58.13%	52	21.14%
13	Nhà trường xác định và phổ biến các tiêu chí, tiêu chuẩn đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự rõ ràng, đáp ứng nhu cầu công tác.	246	1	0.41%	5	2.03%	30	12.20%	148	60.16%	62	25.20%
14	Hệ thống đảm bảo chất lượng của Nhà trường hoạt động hiệu quả theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.	246	0	0.00%	1	0.41%	50	20.33%	146	59.35%	49	19.92%
15	Nhà trường sử dụng kết quả công tác quản lý thông tin đảm bảo chất lượng giáo dục để phục vụ cho việc đổi mới và nâng cao chất lượng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày một tốt hơn.	246	0	0.00%	2	0.81%	42	17.07%	153	62.20%	49	19.92%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
16	Nhà trường luôn có kênh thông tin thường xuyên tim hiểu, liên lạc nắm bắt tình hình sinh viên tốt nghiệp có việc làm ổn định để biết được chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội.	246	0	0.00%	7	2.85%	60	24.39%	135	54.88%	44	17.89%
B.	CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH											
1	Chế độ, chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBGV	246	0	0.00%	7	2.85%	57	23.17%	132	53.66%	50	20.33%
2	Quy định về đào tạo, bồi dưỡng CBGV	246	0	0.00%	2	0.81%	47	19.11%	154	62.60%	43	17.48%
3	Kiểm tra, giám sát quá trình đào tạo bồi dưỡng CBGV	246	0	0.00%	2	0.81%	53	21.54%	149	60.57%	42	17.07%
4	Chế độ, chính sách đãi ngộ sau đào tạo, bồi dưỡng CBGV	246	1	0.41%	5	2.03%	53	21.54%	142	57.72%	45	18.29%
5	Hỗ trợ về thủ tục thanh toán các khoản thu nhập	246	1	0.41%	2	0.81%	50	20.33%	145	58.94%	48	19.51%
6	Chế độ phúc lợi	246	1	0.41%	14	5.69%	88	35.77%	107	43.50%	36	14.63%
7	Cơ cấu đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, hệ thống văn bản của Nhà trường được đánh giá, rà soát và cải tiến theo định kỳ	246	0	0.00%	5	2.03%	46	18.70%	153	62.20%	42	17.07%
C	HOẠT ĐỘNG PHỤC VỤ/HỖ TRỢ											
1	Cơ sở vật chất hỗ trợ giảng dạy	246	1	0.41%	12	4.88%	87	35.37%	113	45.93%	33	13.41%
2	Các công cụ phục vụ giảng dạy	246	0	0.00%	10	4.07%	91	36.99%	111	45.12%	34	13.82%
3	Tài liệu giảng dạy	246	1	0.41%	9	3.66%	57	23.17%	146	59.35%	33	13.41%
4	Về chăm sóc sức khỏe y tế - đời sống	246	1	0.41%	11	4.47%	83	33.74%	117	47.56%	34	13.82%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
5	Về công tác an ninh trật tự (an toàn, phù hợp)	246	0	0.00%	6	2.44%	57	23.17%	143	58.13%	40	16.26%
6	Về việc tổ chức lớp học	246	0	0.00%	3	1.22%	43	17.48%	161	65.45%	39	15.85%
7	Công tác phục vụ, hỗ trợ của cán bộ viên chức	246	1	0.41%	7	2.85%	52	21.14%	146	59.35%	40	16.26%
8	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được triển khai, phục vụ tốt và tiện lợi cho việc quản lý, phục vụ sinh viên	246	0	0.00%	3	1.22%	60	24.39%	142	57.72%	41	16.67%
9	Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục đảm bảo chất lượng được cập nhật, nâng cấp kịp thời các công cụ ứng dụng tin học hóa trong quản lý và phục vụ công việc của nhà trường.	246	0	0.00%	5	2.03%	58	23.58%	143	58.13%	40	16.26%
10	Ứng dụng CNTT trong công tác văn thư, lưu trữ	246	0	0.00%	7	2.85%	78	31.71%	120	48.78%	41	16.67%
11	Công tác trang trí, khánh tiết, văn hóa công sở (văn minh, phù hợp)	246	0	0.00%	1	0.41%	40	16.26%	160	65.04%	45	18.29%
12	Phân bổ kinh phí hàng năm cho các hoạt động của nhà trường	246	0	0.00%	4	1.63%	70	28.46%	135	54.88%	37	15.04%
D	HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC											
I	Về công tác quản lý nghiên cứu khoa học											
1	Các quy chế, quy định về nghiên cứu khoa học công nghệ	246	0	0.00%	3	1.22%	51	20.73%	151	61.38%	41	16.67%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
2	Quy trình thực hiện đề tài NCKH cấp Trường	246	0	0.00%	2	0.81%	37	15.04%	160	65.04%	47	19.11%
3	Quy trình thực hiện biên soạn giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	246	0	0.00%	3	1.22%	34	13.82%	161	65.45%	48	19.51%
4	Về cách thức tổ chức các Hội thảo khoa học cấp Trường	246	0	0.00%	2	0.81%	42	17.07%	145	58.94%	57	23.17%
5	Số lượng, chất lượng các bài báo cáo trong hội thảo	246	0	0.00%	2	0.81%	44	17.89%	151	61.38%	49	19.92%
6	Chất lượng các đề tài cấp Trường	246	1	0.41%	5	2.03%	42	17.07%	155	63.01%	43	17.48%
7	Kiểm tra, giám sát thực hiện đề tài, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	246	0	0.00%	3	1.22%	42	17.07%	158	64.23%	43	17.48%
8	Công tác đánh giá, nghiệm thu đề tài, giáo trình, tài liệu,...	246	0	0.00%	4	1.63%	30	12.20%	164	66.67%	48	19.51%
II	Về sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ											
9	Công tác quản trị bảo hộ tài sản trí tuệ	246	0	0.00%	1	0.41%	70	28.46%	131	53.25%	44	17.89%
10	Công tác phổ biến các văn bản của Nhà nước quy định về quyền sở hữu trí tuệ	246	0	0.00%	2	0.81%	71	28.86%	130	52.85%	43	17.48%
11	Sự giúp đỡ, hỗ trợ đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ	246	0	0.00%	2	0.81%	73	29.67%	127	51.63%	44	17.89%
12	Số lượng loại hình tài sản trí tuệ ngày càng tăng	246	1	0.41%	2	0.81%	73	29.67%	130	52.85%	40	16.26%
13	Công tác phát hành giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo	246	0	0.00%	6	2.44%	67	27.24%	131	53.25%	42	17.07%
14	Các sản phẩm NCKH được lưu trữ đầy đủ, khoa học	246	0	0.00%	1	0.41%	41	16.67%	160	65.04%	44	17.89%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
15	Công tác xuất bản Tạp chí Tài chính – Quản trị kinh doanh	246	0	0.00%	3	1.22%	43	17.48%	156	63.41%	44	17.89%
16	Thông tin kết quả nghiên cứu được cập nhật liên tục	246	0	0.00%	3	1.22%	54	21.95%	146	59.35%	43	17.48%
III	Về kinh phí cho nghiên cứu khoa học											
17	Có chiến lược khai thác nguồn kinh phí cho Khoa học – CN	246	0	0.00%	5	2.03%	54	21.95%	147	59.76%	40	16.26%
18	Phân bổ kinh phí cho từng loại hoạt động nghiên cứu (Đề tài, biên soạn, nghiên cứu khoa học sinh viên,...)	246	1	0.41%	5	2.03%	48	19.51%	154	62.60%	38	15.45%
19	Công tác thanh toán kinh phí cho thực hiện nghiên cứu kịp thời, đúng quy định	246	0	0.00%	3	1.22%	30	12.20%	165	67.07%	48	19.51%
20	Hệ thống trang thiết bị phục vụ nghiên cứu	246	0	0.00%	7	2.85%	79	32.11%	122	49.59%	38	15.45%
IV	Về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp											
21	Nhà trường luôn quan tâm về nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp	246	1	0.41%	9	3.66%	73	29.67%	121	49.19%	42	17.07%
22	Công tác cung cấp thông tin về nghiên cứu sáng tạo kịp thời	246	0	0.00%	10	4.07%	78	31.71%	120	48.78%	38	15.45%
23	Số lượng, chất lượng nghiên cứu sáng tạo, khởi nghiệp của CBGV ngày càng được cải thiện	246	0	0.00%	12	4.88%	63	25.61%	129	52.44%	42	17.07%
24	Chất lượng đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên ngày càng sáng tạo, có tính khởi nghiệp thực tiễn hơn.	246	0	0.00%	7	2.85%	64	26.02%	135	54.88%	40	16.26%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
V	Về quan hệ hợp tác, đối tác nghiên cứu											
25	Quan hệ hợp tác, đối tác trong nghiên cứu ngày càng được mở rộng	246	0	0.00%	4	1.63%	64	26.02%	138	56.10%	40	16.26%
26	Được cung cấp đầy đủ thông tin về các đầu tư/hỗ trợ của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ cho Trường	246	1	0.41%	5	2.03%	76	30.89%	122	49.59%	42	17.07%
27	Hiệu quả nguồn lực từ các mối quan hệ hợp tác, các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	246	0	0.00%	6	2.44%	81	32.93%	122	49.59%	37	15.04%
28	Mức độ tiếp cận trao đổi, thụ hưởng từ sự hỗ trợ, đầu tư của các đối tác bên ngoài về Khoa học công nghệ	246	2	0.81%	6	2.44%	80	32.52%	120	48.78%	38	15.45%
E	VỀ TÁC ĐỘNG CỦA HOẠT ĐỘNG KẾT NỐI VÀ PHỤC VỤ CỘNG ĐỒNG											
1	Công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nhiệm vụ của tổ chức Công đoàn.	246	0	0.00%	0	0.00%	25	10.16%	163	66.26%	58	23.58%
2	Phối hợp với Ban Giám hiệu cải thiện điều kiện làm việc, chăm lo đời sống của đoàn viên, người lao động, tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, hoạt động xã hội trong đoàn viên, người lao động.	246	0	0.00%	4	1.63%	35	14.23%	159	64.63%	48	19.51%

STT	Câu Hỏi	Tổng số lượt trả lời	1. Rất không hài lòng		2. Không hài lòng		3. Trung bình		4. Hài lòng		5. Rất hài lòng	
			Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm	Số lượng	Phần trăm
3	Kiểm tra, giám sát việc thi hành các chế độ, chính sách, pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên và người lao động. Đấu tranh ngăn chặn tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.	246	0	0.00%	3	1.22%	33	13.41%	160	65.04%	50	20.33%
4	Tổ chức vận động đoàn viên, người lao động trong trường thực hiện tốt phong trào thi đua yêu nước.	246	0	0.00%	0	0.00%	22	8.94%	162	65.85%	62	25.20%
5	Kêu gọi cán bộ, giảng viên tích cực tham gia các hoạt động thiện nguyện, từ thiện nhân đạo như ủng hộ Quỹ Khuyến học, Quỹ đền ơn đáp nghĩa, ủng hộ Quỹ vì người nghèo,...	246	0	0.00%	1	0.41%	19	7.72%	163	66.26%	63	25.61%